

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**
Bản án số: **229/2020/HSPT**
Ngày 19/8/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Hùng.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương

Bà Hoàng Lan Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Dung.

Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 150/2020/HSPT ngày 08/7/2020 đối với bị cáo Lê Danh S. và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2020/HSST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **Lê Danh S.**, sinh năm 1952; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: thôn V.T. 1, phường N.B., Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Trước đây là thôn V.T. 6, xã N.B., huyện Tĩnh Gia); Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hóa: 04/10; Con ông Lê Văn Th và bà Vũ Thị B (đều đã chết); Vợ Nguyễn Thị V; Có 04 con, con lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Họ và tên: **Đỗ Quang L.**, sinh năm 1950, tại huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: thôn V.T. 1, phường N.B., Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Trước đây là thôn V.T. 6, xã N.B., huyện Tĩnh Gia); Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Hưu trí; Văn hóa: 08/10; Con ông Đỗ Văn N và bà Tô Thị Th (đều đã chết); Vợ Hoàng Thị Ph; Có 03 con, con lớn sinh năm 1979, nhỏ sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người bị hại đều không kháng cáo. Đều vắng mặt

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

2. Ủy ban nhân dân Thị xã Nghi Sơn (Trước đây là huyện Tĩnh Gia).

3. Ủy ban nhân phường N.B. (Trước đây là xã N.B.).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không kháng cáo:* Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012, UBND huyện Tĩnh Gia (nay là Thị xã Nghi Sơn), Tỉnh Thanh Hóa, có chủ trương thu hồi đất nông nghiệp ở thôn V.T. 6 (nay là thôn V.T. 1) xã N.B., huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, để thực hiện dự án mở rộng khu tái định cư Xuân Lâm - N.B. giai đoạn 3. Thời điểm này, Lê Danh S. là Trưởng thôn. Khi S. thực hiện quyền hạn để tiến hành kiểm kê, đo đạc diện tích đất thu hồi tại thôn V.T. 6, nhận thấy diện tích đất công tại thửa số 803, tờ bản đồ số 15, Bản đồ địa chính xã N.B. (sau đây gọi là thửa đất số 803) có tổng diện tích đo thực tế là 508m² được giao cho Chi hội người cao tuổi sản xuất, quản lý, nếu khai báo thửa đất trên là đất công thì khi chi trả tiền đền bù, thôn V.T. 6 sẽ không nhận được tiền. Vì vậy, ngày 16/01/2013, Chi bộ thôn V.T. 6 tổ chức họp, S. có đến và đưa ra ý kiến về việc gửi thửa đất công nói trên vào diện tích đất hộ dân để nhận tiền đền bù và nếu được sẽ lấy số tiền đó đưa vào quỹ của thôn. Tại cuộc họp này, Chi bộ thôn V.T. 6 gồm có các ông: Bùi Bá Lãn, sinh năm 1945, Bùi Ngọc Đức, sinh năm 1952, Nguyễn Bá Tăng, sinh năm 1963, Đồng Ngọc Huyền, sinh năm 1944, Tăng Đình Nguyên, sinh năm 1937, Lê Xuân Tuyên, sinh năm 1951, Lê Văn Khiên, sinh năm 1948, Bùi Bá Thanh, sinh năm 1952, Vũ Trọng Huy, sinh năm 1965, Đỗ Quang L., sinh năm 1950 đều ở thôn V.T. 6, xã N.B., huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, dưới sự chủ trì của ông Bùi Bá Lãn là Bí thư chi bộ đã họp bàn ý kiến của S. và Chi bộ thống nhất gửi thửa đất số 803 vào hộ ông Đỗ Quang L. (là Chi hội phó chi hội người cao tuổi) để nhận tiền đền bù, số tiền đền bù được nhận sẽ đưa vào quỹ của thôn và hứa sẽ cho ông L. được hưởng số tiền hoa lợi trên đất, nên ông L. đồng ý. Sau đó, khi đoàn kiểm kê xác định nguồn gốc thửa đất số 803 thì ông Lãn đã chỉ đạo, yêu cầu ông S., L. khai nhận đây là đất của nhà ông L..

Ngày 11/3/2013, Hội đồng đăng ký đất đai xã N.B. đã tổ chức hội nghị xác định thời điểm, nguồn gốc sử dụng đất của các hộ thuộc diện thu hồi đất phục vụ dự án. Tại hội nghị này, ông Lê Huy Dương là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Chủ tịch hội đồng đăng ký đất đai và bà Nguyễn Thị Hằng là cán bộ địa chính xã chịu trách nhiệm chủ trì, tham mưu xác định nguồn gốc đất tại xã N.B.. Tại đây, ông Lãn và ông S. tham gia nhưng không có ý kiến về việc kê khai sai nguồn gốc thửa đất số 803, đồng thời ký xác nhận cùng các thành viên Hội đồng đăng ký đất đai xã đã thống nhất thửa đất số 803 là diện tích đất được đền bù của gia đình ông Đỗ Quang L.. Ngày 15/3/2013, ông Lê Công Xanh, là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N.B. đã ký Tờ trình số 55/TTr- UBND trình Ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tĩnh Gia xem xét thu hồi diện tích đất thực hiện dự án, trong đó có thửa đất số 803. Quá trình thẩm định hồ sơ, Phòng Tài nguyên môi trường huyện Tĩnh Gia phân công cán bộ thẩm định là anh Nguyễn Đức Thắng, sinh năm 1981, trú tại Tiểu khu 3, thị Trấn Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, anh Thắng căn cứ vào hồ sơ do Ủy ban nhân

dân xã N.B. cung cấp nên không phát hiện việc xác định sai nguồn gốc đất đối với thửa đất số 803 nên đã báo cáo lãnh đạo Phòng Tài nguyên môi trường tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia quyết định thu hồi thửa đất nói trên và chi trả tiền đền bù cho gia đình ông Đỗ Quang L..

Ngày 02 tháng 4 năm 2013, ông Đỗ Quang L. nhận được tiền đền bù thửa đất số 803 là 70.913.280 đồng thì thôn V.T. 6 đã chi cho ông L. số tiền 2.913.280 đồng, tiền hoa lợi trên đất khi ông L. đứng tên nhận đền bù như đã hứa; chi trả cho ông S. số tiền 1.000.000 đồng; chi làm đường giao thông năm 2013 (đường xuống nghĩa địa Cồn Bàu) số tiền 7.000.000 đồng; số tiền còn lại 60.000.000 đồng được giao cho Chi hội người cao tuổi quản lý. Đến năm 2014, Chi bộ thôn đã quyết định chi 40.000.000 đồng làm các tuyến đường giao thông trong thôn. Số tiền còn lại là 20.000.000 đồng do Chi hội người cao tuổi quản lý và đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra.

Tại bản Thông báo kết luận thanh tra số 54/TB-UBND ngày 20/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia, kết luận:

- Đối với nguồn gốc thửa đất số 803, tờ bản đồ số 15, bản đồ địa chính xã N.B. là đất công được giao cho Chi hội người cao tuổi thôn V.T. 6 sản xuất, quản lý. Căn cứ vào Điều 7 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thì thửa đất số 803 không được bồi thường về đất, tại thời điểm kiểm kê, bồi thường trên đất không có sản xuất nông nghiệp nên cũng không được bồi thường về cây cối, hoa màu trên đất; Số tiền bồi thường, hỗ trợ 70.913.280 đồng cho thửa đất số 803 trong đó bồi thường về đất là 20.023.000 đồng, cây cối hoa màu là 2.053.000 đồng, hỗ trợ về đất là 48.828.000 đồng là không đúng quy định, gây thất thoát cho ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm đối với sai phạm trên:

Trách nhiệm tập thể: Thuộc về Chi bộ thôn V.T. 6; Ủy ban nhân dân xã N.B.; Hội đồng đăng ký đất đai xã N.B..

Trách nhiệm cá nhân:

Ông Lê Danh S. là trưởng thôn V.T. 6 chịu trách nhiệm việc ông Đỗ Quang L. đứng tên để kiểm kê bồi thường hỗ trợ thửa đất số 803 trái pháp luật.

Ông Bùi Bá L là Bí thư Chi bộ thôn V.T. 6 chịu trách nhiệm trong việc đồng ý với báo cáo đề xuất của ông Lê Danh S. để cho ông Đỗ Quang L. đứng tên để được bồi thường hỗ trợ thửa đất số 803 trái pháp luật.

Ông Đỗ Quang L. không phải là người có quyền sử dụng đất nhưng vẫn đồng ý đứng tên để kiểm kê, nhận tiền bồi thường thửa đất số 803 là trái pháp luật.

Ông Lê Công X, nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N.B. (nay đã nghỉ hưu) thành viên hội đồng đăng ký đất đai đã xác nhận thửa đất số 803 là đất được

giao cho theo Nghị định 64/CP cho ông Đỗ Quang L. dẫn đến bồi thường hỗ trợ không đúng cho ông L. số tiền về đất là 68.860.000đ.

Ông Lê Huy D, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N.B. (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã), Chủ tịch Hội đồng đăng ký đất đai xã chịu trách nhiệm chủ trì hội nghị xác định nguồn gốc đất đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã N.B. xác nhận thửa đất số 803 là đất được giao theo Nghị định số 64/CP cho ông Đỗ Quang L. dẫn đến bồi thường, hỗ trợ không đúng cho ông L. số tiền 68.860.000đ.

Tại bản kết luận giám định tư pháp số 03/KLGĐTP-TCKT ngày 19/02/2019, của Sở Tài chính Thanh Hóa, kết luận: Việc chi trả không đúng đối với thửa đất số 803, tờ bản đồ số 15, bản đồ địa chính xã N.B., có gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước số tiền 70.913.280đ, trong đó:

Ngân sách nhà nước cấp tỉnh thiệt hại là: 28.365.312 đồng

Ngân sách huyện Tĩnh Gia thiệt hại là: 28.365.312 đồng

Ngân sách cấp xã N.B. thiệt hại là: 14.182.656 đồng

Đối với ông Bùi Bá L hiện nay đã chết nên không khởi tố bị can.

Đối với Chi bộ thôn V.T. 6, Ủy ban nhân dân xã N.B., Hội đồng đăng ký đất đai. Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã kiến nghị đến Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Tĩnh Gia và Ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia để xem xét xử lý theo quy định.

Đối với ông Lê Công X, Lê Huy D, Nguyễn Thị H là công chức xã N.B. thiếu trách nhiệm trong việc quản lý dẫn đến việc không phát hiện vi phạm của ông Lê Danh S. dẫn đến thiệt hại cho Ngân sách nhà nước số tiền 70.913.280đ. Tuy nhiên, hậu quả thiệt hại chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo Điều 360 Bộ luật Hình sự.

Đối với ông Tăng Đình D quá trình điều tra thể hiện việc ông D đề xuất, báo cáo Chi bộ thôn V.T. 6 cho sử dụng số tiền 40.000.000 đồng từ số tiền nhận đền bù thửa đất số 803 vào việc làm các tuyến đường giao thông trong thôn là đúng thực tế, không có dấu hiệu chiếm đoạt tài sản.

Đối với 02 thửa đất công số 188-1 và 188-2, tờ bản đồ số 15, bản đồ địa chính xã N.B., được giao cho Đoàn thanh niên và Chi hội Phụ nữ sử dụng, quản lý. Quá trình điều tra xác định việc thu hồi và đền bù các thửa đất này là đúng quy định. Do vậy, không có căn cứ xử lý hình sự.

Trong quá trình điều tra Lê Danh S. và Đỗ Quang L. đã giao nộp số tiền thiệt hại là 25.900.000 đồng; trong đó Lê Danh S. nộp 3.000.000 đồng, Đỗ Quang L. nộp 22.900.000 đồng.

Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa; huyện Tĩnh Gia, xã N.B. đề nghị Cơ quan tiến hành tố tụng thu hồi số tiền trên nộp Ngân sách nhà nước theo quy định.

Tại Bản cáo trạng số: 64/CT-VKS-HS, ngày 23/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, (nay là Thị xã Nghi Sơn) tỉnh Thanh Hoá truy tố Lê Danh S., Đỗ Quang L. về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại Khoản 1 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 52/2020/HSST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân Thị xã Nghi Sơn đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 281BLHS 1999 (khoản 4 Điều 281 BLHS 1999 đối với Lê Danh S.), điều 20, Điều 53, Điều 33 BLHS 1999; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS 2015

Tuyên bố: Lê Danh S., Đỗ Quang L. phạm tội: “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”

Xử phạt: Lê Danh S. 07 (bảy) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Đỗ Quang L. 05 (năm) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Cấm đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS 1999; Điều 589 Bộ luật dân sự, Điều 106 BLTTHS.

- Buộc các bị cáo Lê Danh S., Đỗ Quang L. phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho UBND tỉnh Thanh Hóa, UBND Huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã nghi Sơn), UBND xã N.B. (nay là phường N.B.) với số tiền 45.013.280đ. Trong đó bị cáo Lê Danh S. phải chịu trách nhiệm bồi thường 30.000.000đ. Bị cáo Đỗ Quang L. phải bồi thường 15.013.280đ

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn dân sự có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo không thi hành các khoản tiền bồi thường thì phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

- Đối với số tiền các bị cáo đã bồi thường là 25.900.000đ, nộp vào ngân sách nhà nước phường N.B. là 5.180.000đ, ngân sách thị xã nghi Sơn là 10.360.000đ, ngân sách tỉnh Thanh Hóa là 10.360.000đ.

- Án sơ thẩm còn quyết định về thời hạn chấp hành hình phạt, trách nhiệm dân sự, tang vật, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

* Sau khi xét xử, các bị cáo sau có đơn kháng cáo:

- Bị cáo Lê Đình S. và Đỗ Quang L. đều có đơn kháng cáo xin được xem xét giảm nhẹ xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị xin được cải tạo tại địa phương vì các bị cáo đã già yếu, không được hưởng lợi và đã tự nguyện nộp tiền bồi thường.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị: Căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo, phạm tội không nhằm mục đích hưởng lợi, tại giai đoạn phúc thẩm UBND huyện và các đoàn thể cùng nhân dân địa phương đều có công văn và đơn đề nghị xem xét cho các bị cáo. Ngoài ra các bị cáo đã tự nguyện nộp đủ số tiền thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS và Điều 65 BLHS, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên hình phạt và cho hưởng án treo cải tạo tại địa phương. Chấp nhận các bị cáo đã bồi thường đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định, tại phiên tòa các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo nên được chấp nhận để xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

2.1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra và xét xử tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm các bị cáo đều khai nhận. Năm 2012, UBND huyện Tĩnh Gia có chủ trương thu hồi đất nông nghiệp thôn V.T. 6, xã N.B. (nay là thôn V.T. 1) để thực hiện dự án mở rộng khu tái định cư Xuân Lâm - N.B.. Do biết nguồn gốc thửa đất số 803, tờ bản đồ số 15 bản đồ địa chính xã N.B. là đất công được giao cho Chi hội người cao tuổi thôn V.T. 6 quản lý nên Lê Danh S. là Trưởng thôn V.T. 6 đã báo cáo Chi bộ thôn để kê khai lấy nguồn quỹ hoạt động cho thôn. Tại cuộc họp Chi bộ ngày 16/01/2013, Bùi Bá Lăn (là bí thư chi bộ) đã báo cáo và được Chi bộ thống nhất về việc gửi sổ diện tích đất công ích trên cho gia đình Đỗ Quang L. (Đảng viên trong Chi bộ) để kê khai nhận tiền đền bù. Sau đó, Bùi Bá L. (hiện đã chết) đã chỉ đạo yêu cầu Lê Danh S. khai nhận diện tích đất thửa đất số 803, tờ bản đồ số 15 là của nhà ông Đỗ Quang L.. Đối với Đỗ Quang L. biết rõ đất đó là đất công ích nhưng vẫn đồng ý đứng tên kê khai, dẫn đến việc chi trả sai đối tượng gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với số tiền 70.913.280 đồng. Sau khi nhận tiền bồi thường, bị cáo Lê Danh S. được hưởng 1.000.000đ, bị cáo Đỗ Quang L. được hưởng 2.913.280 đồng. Còn lại giao cho Chi hội người cao tuổi quản lý, trong đó đã chi khoảng 47.000.000đ để sửa chữa đường trong thôn và nghĩa địa của thôn.

Do đó cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lê Đình S. và Đỗ Quang L. phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã xâm phạm đến các hoạt động đúng đắn trong quản lý nhà nước, gây dư luận xấu

và hoài nghi cho nhân dân đối với các cơ quan nhà nước. Vì vậy phải xử phạt nghiêm đối với các bị cáo là cần thiết, làm bài học giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

2.2. Xét các nội dung kháng cáo: Cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính chất mức độ hành vi, vai trò phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.

Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Danh S. và Đỗ Quang L. thành khẩn khai báo, các bị cáo là người có công với cách mạng, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho Ngân sách, nhân thân chưa tiền án, tiền sự. Do đó hai bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo Lê Danh S. đã tự nguyện nộp 30.000.000đ, bị cáo Đỗ Quang L. nộp 15.000.000đ tiền khắc phục hậu quả nộp vào Ngân sách Nhà nước. Ngoài ra Chủ tịch UBND Thị xã Nghi Sơn có Công văn số 2063/UBND-Ttra ngày 02/6/2020, UBND phường N.B. có Đơn đề nghị ngày 11/6/2020; Chi bộ và Thôn V.T. 1, xã N.B.; Hội người Cao tuổi Thị xã Nghi Sơn...đều đề nghị được xem xét giảm nhẹ và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương vì các bị cáo không có mục đích vụ lợi cho cá nhân, hiện già yếu, bệnh tật. Do đó các bị cáo được xem xét và áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Do các bị cáo có thêm các tình tiết giảm nhẹ mới ở cấp phúc thẩm, xét thấy động cơ mục đích không vì vụ lợi cho bản thân mà muốn có nguồn kinh phí cho việc sửa chữa, nâng cấp đường thôn, xóm và vào khu nghĩa trang của thôn nên đã phạm tội. Những người có trách nhiệm cao đã chết nên không bị xem xét trách nhiệm. Các bị cáo hiện nay đã già, yếu không còn nguy hiểm cho xã hội, đều là người có công với cách mạng, được các cấp Chính quyền và đoàn thể của Thị xã Nghi Sơn và địa phương đề nghị xem xét, giảm nhẹ. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, giữ nguyên hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo.

2.3. Về trách nhiệm dân sự: Cấp sơ thẩm đã buộc các bị cáo bồi thường cho Ngân sách Nhà nước tổng số tiền 70.913.280đ, quá trình điều tra các bị cáo đã bồi thường 25.900.000 đồng; (trong đó Lê Danh S. nộp 3.000.000 đồng, Đỗ Quang L. nộp 22.900.000 đồng). Còn lại số tiền 45.013.280đ, bị cáo Lê Danh S. phải bồi thường 30.000.000đ, bị cáo Đỗ Quang L. còn phải bồi thường 15.013.280đ.

Tại giai đoạn phúc thẩm, mặc dù không có kháng cáo, kháng nghị nhưng các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả nên được xem xét, chấp nhận, cụ thể:

Lê Danh S. đã bồi thường 30.000.000đ theo các Biên L. thu tiền số 0000826 ngày 16/7/2020 và 00471 ngày 31/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Nghi Sơn, chấp nhận đã bồi thường đủ;

Đỗ Quang L. bồi thường 15.000.000đ theo Biên L. thu tiền 0000825 ngày 16/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Nghi Sơn, còn thiếu 13.280đ.

Tổng số tiền các bị cáo đã bồi thường tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm 70.900.000đ, được trả vào Ngân sách Nhà nước cho các đơn vị quản lý như sau:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa: 28.365.312 đồng

- Ủy ban nhân Thị xã Nghi Sơn: 28.365.312 đồng

- Ủy ban nhân dân phường N.B.: 14.169.376 đồng.

* Số tiền còn thiếu 13.280đ, Đỗ Quang L. phải bồi thường tiếp cho UBND phường N.B., Thị xã Nghi Sơn.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[5]. Án phí phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm vì kháng cáo được chấp nhận để cải sửa án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lê Danh S. và Đỗ Quang L.. Sửa quyết định về biện pháp chấp hành hình phạt tù và phần bồi thường dân sự tại của Bản án Hình sự sơ thẩm số 52/2020/HSST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân Thị xã Nghi Sơn

[2]. Áp dụng: Khoản 1 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 (áp dụng thêm khoản 4 Điều 281 BLHS 1999 đối với Lê Danh S.); Điều 58; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 ; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

[3]. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Danh S. và Đỗ Quang L. phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

[4] Xử phạt:

1. Bị cáo Lê Danh S.: **07** (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (19/8/2020). Cấm đảm nhiệm các chức vụ có liên quan trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Bị cáo Đỗ Quang L.: **05** (năm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (19/8/2020).

- Giao các bị cáo Lê Danh S. và Đỗ Quang L. cho Ủy ban nhân dân phường N.B., Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo được hưởng án treo nếu thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 BLHS 1999; Điều 589 Bộ luật dân sự và Điều 106 BLTTHS năm 2015

Buộc các bị cáo bồi thường cho Ngân sách Nhà nước tổng số tiền 70.913.280đ. Chấp nhận các bị cáo đã tự nguyện nộp bồi thường, cụ thể:

- Tại giai đoạn sơ thẩm: Các bị cáo đã nộp 25.900.000đ (*Hai mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng chẵn*) được Cơ quan Công an Thị xã Nghi Sơn thu giữ và nộp vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự Thị xã Nghi Sơn theo phiếu thu số PT2020/654 ngày 02/6/2020.

- Tại giai đoạn phúc thẩm: Bị cáo Lê Danh S. đã nộp 30.000.000đ theo các Biên L. thu tiền số 0000826 ngày 16/7/2020 và 00471 ngày 31/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Nghi Sơn, chấp nhận đã bồi thường đủ; Bị cáo Đỗ Quang L. bồi thường 15.000.000đ theo Biên L. thu tiền 0000825 ngày 16/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Nghi Sơn, còn thiếu 13.280đ.

Tổng số tiền các bị cáo đã bồi thường tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm 70.900.000đ, được trả vào Ngân sách Nhà nước cho các đơn vị quản lý như sau:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa: 28.365.312 đồng (*Hai mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, ba trăm mười hai đồng*).

- Ủy ban nhân Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa: 28.365.312 đồng (*Hai mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, ba trăm mười hai đồng*).

- Ủy ban nhân dân phường N.B., Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa: 14.169.376 đồng (*Mười bốn triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm bảy mươi sáu đồng*).

* Số tiền còn thiếu 13.280đ (*Mười ba nghìn, hai trăm tám mươi đồng*), bị cáo Đỗ Quang L. phải bồi thường tiếp cho UBND phường N.B., Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[7]. Án phí phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi gửi

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Tỉnh Thanh Hóa;
- CA tỉnh Thanh Hóa;
- TAND TX Nghi Sơn ;
- VKS; T.H.A DS TX Nghi Sơn;
- UBND P. N.B. TX Nghi Sơn;
- Bị cáo; Bị hại,
- Lưu H.sơ vụ án.

Hà Huy Hùng

